

Số: 08 /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2016

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ) (sau đây gọi là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP);*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản):**

1. Bổ sung khoản 10, khoản 11 vào Điều 3 như sau:

“10. *Gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt* là việc kéo dài thời hạn của trái phiếu đặc biệt đã phát hành, đảm bảo tổng thời hạn gia hạn và thời gian gốc của trái phiếu đặc biệt tối đa không quá 10 năm kể từ ngày phát hành.

11. *Thời gian gốc của trái phiếu đặc biệt* là thời hạn của trái phiếu đặc biệt khi Công ty Quản lý tài sản phát hành để mua nợ xấu từ tổ chức tín dụng.”

2. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

“**Điều 15a. Gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt**

1. Tổ chức tín dụng thuộc một trong các trường hợp sau đây được đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản đã phát hành:

a) Tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án cơ cấu lại theo đề án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính mà việc trích lập dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản đã phát hành dẫn đến chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến của năm đề nghị gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt bị âm.

2. Tổ chức tín dụng lập hồ sơ theo quy định tại Điều 17b Thông tư này đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản đã phát hành cho tổ chức tín dụng.”

3. Bổ sung Điều 17b vào sau Điều 17a như sau:

**“Điều 17b. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt**

1. Tổ chức tín dụng lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt đã phát hành và bảng kê trái phiếu đặc biệt đề nghị gia hạn thời hạn, bao gồm các thông tin sau: mã trái phiếu đặc biệt, mệnh giá trái phiếu đặc biệt, ngày phát hành, thời gian gốc, thời hạn gia hạn, tình hình sử dụng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn;

b) Báo cáo giải trình của tổ chức tín dụng về đề nghị gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Lý do, sự cần thiết đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt;

(ii) Thực trạng thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và việc đáp ứng các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng của năm trước liền kề và đến thời điểm nộp hồ sơ;

(iii) Báo cáo trích lập dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 Thông tư này;

(iv) Tác động của việc gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt đến chi phí dự phòng rủi ro, tình hình tài chính, các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng trong trường hợp trước và sau khi gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt;

(v) Nội dung khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận việc gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng gửi lấy ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch và Công ty Quản lý tài sản về đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch và Công ty Quản lý tài sản phải có văn bản trả lời đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Vụ Chính sách tiền tệ đánh giá tác động đến chính sách tiền tệ do việc có thể kéo dài thời hạn tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt được gia hạn;

(ii) Công ty Quản lý tài sản và Sở Giao dịch đánh giá tình hình sở hữu và sử dụng trái phiếu đặc biệt của tổ chức tín dụng.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia của Vụ Chính sách tiền tệ, Sở Giao dịch và Công ty Quản lý tài sản, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Căn cứ văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, Công ty Quản lý tài sản và Sở Giao dịch thực hiện gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt theo thời hạn cụ thể được phê duyệt.”

4. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 27. Nguyên tắc cơ cấu lại khoản nợ xấu đã mua**

1. Việc cơ cấu lại khoản nợ xấu phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, Thông tư này và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng mua bán nợ.

2. Công ty Quản lý tài sản xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về việc cơ cấu lại khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của khách hàng vay.

3. Công ty Quản lý tài sản thực hiện việc cơ cấu lại khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của khách hàng vay và theo quy định tại Thông tư này.

4. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc cơ cấu lại nợ để hưởng lợi bất hợp pháp.”

5. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 28. Điều chỉnh lãi suất của khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt**

1. Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với từng khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt.

2. Mức lãi suất điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này phải phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng và các mức lãi suất tham chiếu quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hằng quý, căn cứ điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản phải công bố công khai các mức lãi suất tham chiếu và cơ sở xác định các mức lãi suất này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định điều chỉnh lãi suất của khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ, khách hàng vay để biết và phối hợp thực hiện.”

6. Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 29. Miễn, giảm tiền lãi quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm của các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt**

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, giảm một phần hoặc miễn toàn bộ tiền lãi quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm mà khách hàng vay chưa trả của khoản nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay hợp tác tốt với Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng được ủy quyền trong việc cung cấp hồ sơ thông tin, giao nhận tài sản bảo đảm và các vấn đề khác liên quan đến khoản nợ và tài sản bảo đảm;

b) Khách hàng vay gặp khó khăn tạm thời về tài chính và việc miễn, giảm tiền lãi quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm của khoản nợ xấu góp phần giúp khách hàng vay giảm bớt khó khăn tài chính, phục hồi sản xuất kinh doanh;

c) Khách hàng vay có phương án trả nợ hoặc phương án cơ cấu lại tài chính, hoạt động khả thi để có nguồn vốn trả nợ.

2. Khi xem xét, giảm một phần hoặc miễn toàn bộ tiền lãi quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm mà khách hàng vay chưa trả của khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý tài sản có văn bản đề nghị có ý kiến, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả lời bằng văn bản về những vấn đề Công ty Quản lý tài sản đề nghị có ý kiến. Sau thời hạn trên, Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc miễn, giảm tiền lãi quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định miễn, giảm tiền lãi quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm, Công ty Quản lý tài sản thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng bán nợ, khách hàng vay để biết và phối hợp thực hiện.”

7. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 30. Biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt**

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ dưới các hình thức điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu khi khách hàng vay đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay có phương án trả nợ khả thi;

b) Đối với trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vay, khách hàng vay không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay trong phạm vi thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp và được Công ty Quản lý tài sản đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo sau khi được cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ;

c) Đối với trường hợp gia hạn nợ, khách hàng vay không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vay đúng thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp và được Công ty Quản lý tài sản đánh giá là có khả năng trả hết nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn trả nợ đã thỏa thuận;

d) Thời gian gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu không được vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó. Trường hợp gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó, Công ty Quản lý tài sản phải có sự thống nhất bằng văn bản của tổ chức tín dụng bán nợ về khoảng thời gian gia hạn vượt thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó.

2. Khi xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý tài sản có văn bản đề nghị có ý kiến, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả lời bằng văn bản về những vấn đề Công ty Quản lý tài sản đề nghị có ý kiến. Sau thời hạn trên, Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Công ty Quản lý tài sản thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng bán nợ, khách hàng vay để biết và phối hợp thực hiện.”

8. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 34. Nguyên tắc bán nợ xấu đã mua**

1. Nguyên tắc chung:

a) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm sự khách quan, công khai, minh bạch;

c) Thu hồi tối đa khoản nợ, kể cả lãi, phí phải trả (nếu có);

d) Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân lợi dụng việc mua bán nợ xấu để hưởng lợi bất hợp pháp.

2. Công ty Quản lý tài sản tự thực hiện hoặc thuê tổ chức có chức năng định giá độc lập xác định giá khởi điểm (trong trường hợp bán đấu giá), giá chào bán (trong trường hợp chào giá cạnh tranh), giá dự kiến bán nợ (trong trường hợp thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ). Trường hợp xét thấy cần thiết, Công ty Quản lý tài sản tham khảo giá mua, bán các khoản nợ xấu có tính chất tương đồng trên thị trường (nếu có) để xác định giá khởi điểm, giá chào bán, giá dự kiến bán nợ.

3. Giá bán nợ là mức giá cao nhất trên cơ sở so sánh, tham khảo các mức giá chào mua của khoản nợ xấu đó để giảm tổn thất trong xử lý nợ xấu.

4. Việc bán nợ phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản.

5. Công ty Quản lý tài sản có thể ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ bán khoản nợ xấu theo các yêu cầu, điều kiện do Công ty Quản lý tài sản xác định bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này.”

9. Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 35. Bán nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt**

1. Công ty Quản lý tài sản thống nhất với tổ chức tín dụng bán nợ về phương thức bán nợ (bán đấu giá hoặc chào giá cạnh tranh) và điều kiện bán khoản nợ xấu (trong đó bao gồm giá khởi điểm hoặc giá chào bán), trừ trường hợp bán nợ quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Trường hợp bán đấu giá hoặc chào giá cạnh tranh theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều này ít nhất một lần không thành, Công ty Quản lý tài sản thống nhất lại với tổ chức tín dụng bán nợ về phương thức bán khoản nợ xấu (bán đấu giá hoặc chào giá cạnh tranh hoặc thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ) và điều kiện bán khoản nợ xấu (trong đó bao gồm giá khởi điểm hoặc giá chào bán hoặc giá dự kiến bán nợ), trừ trường hợp Công ty Quản lý tài sản đã thống nhất với tổ chức tín dụng bán nợ trước về các nội dung này.

3. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ không thống nhất được phương thức hoặc điều kiện bán khoản nợ xấu theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, Công ty Quản lý tài sản thực hiện bán đấu giá khoản nợ xấu. Việc bán đấu giá khoản nợ xấu thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản của Công ty Quản lý tài sản.

4. Việc bán khoản nợ xấu theo phương thức chào giá cạnh tranh phải có sự tham gia của ít nhất 02 bên mua nợ không phải là người có liên quan với nhau theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và được thực hiện như sau:

a) Công ty Quản lý tài sản tự định giá hoặc thuê tổ chức định giá độc lập định giá khoản nợ xấu để xác định giá chào bán khoản nợ xấu;

b) Công ty Quản lý tài sản công bố thông tin về việc bán khoản nợ xấu theo hình thức chào giá cạnh tranh trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng bán nợ. Công ty Quản lý tài sản

quyết định nội dung công bố thông tin, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, trong đó bao gồm các thông tin chi tiết về khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu dự kiến bán; giá chào bán khoản nợ xấu; địa điểm, thời hạn công bố thông tin và tham khảo hồ sơ pháp lý; địa điểm, thời hạn nộp hồ sơ chào giá.

Thời hạn công bố thông tin và tham khảo hồ sơ pháp lý không được ít hơn 05 ngày làm việc đối với khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là động sản và không được ít hơn 15 ngày làm việc đối với khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là bất động sản. Việc nộp hồ sơ chào giá được thực hiện sau khi kết thúc thời hạn công bố thông tin và tham khảo hồ sơ pháp lý và không được ít hơn 03 ngày làm việc;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ chào giá, Công ty Quản lý tài sản bán khoản nợ xấu cho bên mua nợ trả giá cao nhất. Trường hợp có từ 02 bên mua nợ trả giá cao bằng nhau thì Công ty Quản lý tài sản tổ chức bốc thăm để chọn ra bên mua được nợ;

d) Việc bán nợ xấu theo phương thức chào giá cạnh tranh được coi như không thành trong các trường hợp sau:

(i) Có ít hơn 02 bên mua nợ nộp hồ sơ chào giá;

(ii) Giá cao nhất đã trả thấp hơn mức chào giá của Công ty Quản lý tài sản;

(iii) Bên mua nợ trả giá cao nhất không mua khoản nợ.

đ) Công ty Quản lý tài sản xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ chào bán khoản nợ xấu theo phương thức chào giá cạnh tranh.

5. Trường hợp trái phiếu đặc biệt chưa đến hạn thanh toán, Công ty Quản lý tài sản được bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng đã bán khoản nợ xấu đó cho Công ty Quản lý tài sản theo nguyên tắc thỏa thuận về điều kiện và giá mua, bán nợ.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng bán nợ, Công ty Quản lý tài sản phải gửi 01 bản hợp đồng bán nợ cho tổ chức tín dụng bán nợ và thông báo cho tổ chức tín dụng bán nợ về số tiền tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng.”

10. Bổ sung Điều 35a vào sau Điều 35 như sau:

**“Điều 35a. Bán nợ xấu được mua theo giá trị thị trường**

1. Công ty Quản lý tài sản lựa chọn, quyết định và chịu trách nhiệm việc bán các khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ hoặc phương thức đấu giá hoặc phương thức chào giá cạnh tranh.

2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản bán khoản nợ xấu theo phương thức thỏa thuận trực tiếp với bên mua nợ, giá bán khoản nợ không thấp hơn giá Công ty Quản lý tài sản mua khoản nợ đó.

3. Việc bán khoản nợ xấu theo phương thức đấu giá thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản của Công ty Quản lý tài sản.

4. Việc bán khoản nợ xấu theo phương thức chào giá cạnh tranh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Thông tư này.”

11. Khoản 3 Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, Công ty Quản lý tài sản phải thống nhất với tổ chức tín dụng bán nợ về xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, trong đó có thống nhất về:

a) Giá bán tài sản bảo đảm trong trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận với người mua hoặc giá khởi điểm của tài sản bảo đảm trong trường hợp bán theo phương thức đấu giá;

b) Giá trị tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Quản lý tài sản nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm.

Trường hợp Công ty Quản lý tài sản không thống nhất được với tổ chức tín dụng bán nợ về các nội dung tại điểm a, b khoản này, việc bán tài sản bảo đảm phải được thực hiện theo phương thức bán đấu giá quy định tại các khoản 2, 2a Điều 18 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản của Công ty Quản lý tài sản.”

12. Điểm a khoản 1 Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền thu hồi nợ, Công ty Quản lý tài sản phải gửi số tiền thu hồi nợ tại tổ chức tín dụng bán nợ dưới hình thức tiền gửi không hưởng lãi và không được rút trước thời điểm thanh toán trái phiếu đặc biệt trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này và Điều 19 Thông tư này;”

13. Bổ sung Điều 43a vào sau Điều 43 như sau:

**“Điều 43a. Xử lý số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường bằng trái phiếu**

1. Khi phát sinh số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản xử lý số tiền tương ứng với số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường như sau:

a) Trường hợp tổ chức sở hữu trái phiếu là Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;

b) Trường hợp tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản phải gửi số tiền tương ứng với số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) tại tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu dưới hình thức tiền gửi không hưởng lãi và không được rút trước thời điểm thanh toán trái phiếu trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu phát hành để mua khoản nợ xấu đó, trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu quý tiếp theo, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền tương ứng với số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu trong quý để trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ



sở trái phiếu đó và khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền Công ty Quản lý tài sản phải trả cho tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu khi thanh toán trái phiếu.

2. Khi số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu không thấp hơn mệnh giá trái phiếu, Công ty Quản lý tài sản và tổ chức sở hữu trái phiếu thực hiện thanh toán trái phiếu theo quy định tại Điều 44a Thông tư này.”

14. Bổ sung khoản 4 vào Điều 45 như sau:

“4. Khi tổ chức tín dụng bán nợ mua lại một khoản nợ xấu tương ứng một trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán mà khoản nợ xấu đó có chung một hoặc nhiều tài sản bảo đảm với khoản nợ khác đã được bán cho Công ty Quản lý tài sản, Công ty Quản lý tài sản thỏa thuận với tổ chức tín dụng bán nợ về việc quản lý tài sản bảo đảm và hồ sơ, giấy tờ liên quan (nếu có).”

15. Bổ sung khoản 2c vào sau khoản 2b Điều 46 như sau:

“2c. Hằng năm, trường hợp chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho phép gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt lớn hơn chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo Ngân hàng Nhà nước (là Chỉ tiêu 5 Phụ lục số 2 Thông tư này), tổ chức tín dụng thực hiện như sau:

a) Sử dụng tối đa phần chênh lệch giữa chênh lệch thu chi trước thuế thực tế và chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo Ngân hàng Nhà nước để trích lập bổ sung dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt đã được gia hạn ngay trong năm đó cho đến khi số tiền dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt sau khi được trích lập bổ sung bằng số tiền dự phòng phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt khi tính theo thời gian gốc;

b) Tổ chức tín dụng quyết định việc sử dụng phần chênh lệch còn lại sau khi trích lập bổ sung theo quy định tại điểm a khoản này để trích lập bổ sung dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt được gia hạn hoặc ghi nhận chênh lệch thu chi trước thuế.”

16. Điều 47 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 47. Nguyên tắc trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường**

1. Hội đồng thành viên Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ xấu phù hợp với quy định nội bộ về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường, quy định tại Thông tư này và quy định có liên quan của pháp luật.

2. Sau khi xử lý rủi ro, Công ty Quản lý tài sản phải hạch toán ngoại bảng phần dư nợ đã được xử lý rủi ro của khoản nợ và có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, sử dụng mọi biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47b Thông tư này. Việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ là công việc nội bộ của Công ty Quản lý tài sản, không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay đối với khoản nợ sau khi đã được xử lý rủi ro.

3. Sau thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Công ty Quản lý tài sản được quyết định xuất toán khoản nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng sau khi được Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

4. Số tiền thu hồi được từ khoản nợ đã được xử lý rủi ro được ghi nhận vào doanh thu trong kỳ của Công ty Quản lý tài sản.”

17. Khoản 2 Điều 48 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Sở Giao dịch:

a) Hướng dẫn và tổ chức phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt theo ủy quyền của Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư này;

b) Hướng dẫn và tổ chức triển khai việc lưu ký trái phiếu, trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản;

c) Thực hiện phong tỏa trái phiếu, trái phiếu đặc biệt có liên quan đến khoản cho vay tái cấp vốn khi tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu, trái phiếu đặc biệt vay tái cấp vốn; ngừng phong tỏa trái phiếu, trái phiếu đặc biệt trong trường hợp khoản vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng được hoàn trả đầy đủ.”

18. Bổ sung điểm e vào khoản 4 Điều 50 như sau:

“e) Tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt không được chia cổ tức để tạo nguồn xử lý nợ xấu cho đến khi trái phiếu đặc biệt đã gia hạn được thanh toán.”

19. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 50 như sau:

“4a. Khi tổ chức tín dụng bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản theo giá trị thị trường, tổ chức tín dụng bán nợ xử lý đối với phần chênh lệch giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ như sau:

a) Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của tổ chức tín dụng bán nợ;

b) Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ của tổ chức tín dụng bán nợ. Trường hợp này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng bán nợ bị lỗ hoặc khi thực hiện việc phân bổ ngay phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ trừ đi giá trị mua bán của khoản nợ và giá trị khoản dự phòng rủi ro đã trích cho chính khoản nợ được mua bán sẽ dẫn đến bị lỗ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.”

20. Bổ sung Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 vào Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy

định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản.

## Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

2. Đối với trái phiếu đặc biệt đã thực hiện thanh toán trước ngày 15 tháng 10 năm 2015 mà khoản nợ xấu chưa được thu hồi đầy đủ (bao gồm gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ) theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng ủy thác, hợp đồng mua trái phiếu doanh nghiệp, Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện như sau:

a) Tổ chức tín dụng bán nợ mua lại khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản với giá mua bằng giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản. Trường hợp khoản nợ xấu không còn số dư hạch toán nội bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản thì giá mua bằng 0 (không).

b) Công ty Quản lý tài sản cung cấp cho tổ chức tín dụng bán nợ thông tin, tài liệu về số dư nợ gốc, lãi vay, lãi phạt, phí đã đến hạn trả nhưng khách hàng vay chưa thanh toán; các thông tin, tài liệu khác liên quan đến khoản nợ, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ và chuyển trả tổ chức tín dụng bán nợ toàn bộ số tiền phát sinh đã nhận được từ khoản nợ sau thời điểm trái phiếu đặc biệt được thanh toán (nếu có).

c) Tổ chức tín dụng bán nợ tiếp nhận khoản nợ từ Công ty Quản lý tài sản, thực hiện hạch toán khoản nợ xấu vào tài khoản ngoại bảng cân đối kế toán để theo dõi và thực hiện các biện pháp thu hồi, xử lý nợ theo quy định của pháp luật và hạch toán vào thu nhập khác số tiền được Công ty Quản lý tài sản chuyển trả (nếu có).


3. Bãi bỏ các khoản 16, 17, 18, 19, 20, 21, 24, 25, 32 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản.

## Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc của Công ty Quản lý tài sản chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH5.

  
THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC  
Nguyễn Phước Thanh

**Phụ lục số 01. Báo cáo trích lập dự phòng dự kiến đối với trái phiếu đặc biệt (TPĐB) theo thời hạn trước khi đề nghị gia hạn**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm ...	Năm n
<b>1. Tổng số TPĐB nắm giữ</b>						
<i>Trong đó:</i>						
<i>1.1. TPĐB dự kiến nhận mới trong năm</i>						
<i>1.2. TPĐB đề nghị gia hạn</i>						
<b>2. Chênh lệch thu chi trước thuế (chưa gồm trích lập dự phòng TPĐB)</b>						
<b>3. Số tiền thu hồi nợ xấu từ các khoản nợ tương ứng với TPĐB nắm giữ</b>						
<b>4. Trích lập dự phòng TPĐB</b>						
<i>Trong đó:</i>						
<i>4.1. Trích lập dự phòng TPĐB nhận mới trong năm</i>						
<i>4.2. Trích lập dự phòng TPĐB đề nghị gia hạn</i>						
<b>5. Chênh lệch thu chi trước thuế</b>						

Hướng dẫn lập báo cáo:

1. Năm 1 là năm đề nghị gia hạn thời hạn TPĐB. Năm 2 đến Năm n là các năm tiếp theo, trong đó Năm n là năm cuối cùng của thời gian đề nghị gia hạn.

Các Chỉ tiêu báo cáo được tính tại thời điểm 31/12 của năm và là số nguyên.

2. Chỉ tiêu (1) Tổng số TPĐB nắm giữ: Số dư trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành cho tổ chức tín dụng nắm giữ từng năm;

Chỉ tiêu (1.1) TPĐB dự kiến nhận mới trong năm (nếu có): Số dư TPĐB tổ chức tín dụng dự kiến nhận mới khi bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản từng năm (nếu có). Riêng đối với năm 1, được tính từ thời điểm đề nghị gia hạn thời hạn TPĐB đến ngày 31/12 của năm 1;

Chỉ tiêu (1.2) TPĐB đề nghị gia hạn: Số TPĐB tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn (chỉ điền giá trị tại năm 1).

3. Chỉ tiêu (2) Chênh lệch thu chi trước thuế (chưa gồm trích lập dự phòng TPĐB): Chênh lệch thu chi của tổ chức tín dụng khi chưa tính trích lập dự phòng TPĐB từng năm.

4. Chỉ tiêu (3) Số tiền thu hồi từ các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC: Số tiền mà tổ chức tín dụng thu hồi được từng năm từ tổng số TPĐB nắm giữ.

5. Chỉ tiêu (4) Trích lập dự phòng TPĐB: Số tiền dự phòng cụ thể theo từng năm tổ chức tín dụng phải trích đối với tổng số TPĐB nắm giữ tính theo thời gian gốc. Trong đó:

- Chỉ tiêu (4.1) Trích lập dự phòng TPĐB nhận mới trong năm: Số tiền dự phòng cụ thể theo từng năm tổ chức tín dụng phải trích đối với TPĐB nhận mới trong năm tính theo thời gian gốc;

- Chỉ tiêu (4.2) Trích lập dự phòng TPĐB đề nghị gia hạn: Số tiền dự phòng cụ thể theo từng năm tổ chức tín dụng phải trích đối với TPĐB đề nghị gia hạn tính theo thời gian gốc.

6. Chỉ tiêu (5) Chênh lệch thu chi trước thuế: Chênh lệch thu chi trước thuế (chưa gồm trích lập dự phòng TPĐB) tại Chỉ tiêu (2) trừ (-) Trích lập dự phòng TPĐB tại Chỉ tiêu (4).

**Phụ lục số 02. Báo cáo trích lập dự phòng dự kiến đối với trái phiếu đặc biệt (TPĐB) theo thời hạn sau khi đề nghị gia hạn**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm ...	Năm n
<b>1. Tổng số TPĐB nắm giữ</b>						
<i>Trong đó:</i>						
<i>1.1. TPĐB dự kiến nhận mới trong năm</i>						
<i>1.2. TPĐB đề nghị gia hạn</i>						
<b>2. Chênh lệch thu chi trước thuế (chưa gồm trích lập dự phòng TPĐB)</b>						
<b>3. Số tiền thu hồi nợ xấu từ các khoản nợ tương ứng với TPĐB nắm giữ</b>						
<b>4. Trích lập dự phòng TPĐB</b>						
<i>Trong đó:</i>						
<i>4.1. Trích lập dự phòng TPĐB nhận mới trong năm</i>						
<i>4.2. Trích lập dự phòng TPĐB đề nghị gia hạn</i>						
<b>5. Chênh lệch thu chi trước thuế</b>						

Hướng dẫn lập báo cáo:

1. Năm 1 là năm đề nghị gia hạn thời hạn TPĐB. Năm 2 đến Năm n là các năm tiếp theo, trong đó Năm n là năm cuối cùng của thời gian đề nghị gia hạn.

Các chỉ tiêu báo cáo được tính tại thời điểm 31/12 của năm và là số nguyên.

2. Các Chỉ tiêu từ (1) đến (3) là các giá trị tương ứng với Chỉ tiêu từ (1) đến (3) của Phụ lục số 1.

3. Chỉ tiêu (4) Trích lập dự phòng TPĐB: Số tiền dự phòng cụ thể theo từng năm tổ chức tín dụng phải trích đối với tổng số TPĐB nắm giữ. Trong đó:

- Chỉ tiêu (4.1) Trích lập dự phòng TPĐB nhận mới trong năm: Số tiền dự phòng cụ thể theo từng năm tổ chức tín dụng phải trích đối với TPĐB nhận mới trong năm tính theo thời gian gốc;

- Chỉ tiêu (4.2) Trích lập dự phòng TPĐB đề nghị gia hạn: Số tiền dự phòng cụ thể theo từng năm tổ chức tín dụng phải trích đối với TPĐB đề nghị gia hạn tính theo thời gian đề nghị gia hạn.

4. Chỉ tiêu (5) Chênh lệch thu chi trước thuế: Chênh lệch thu chi trước thuế (chưa gồm trích lập dự phòng TPĐB) tại Chỉ tiêu (2) trừ (-) Trích lập dự phòng TPĐB tại Chỉ tiêu (4).

1